

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

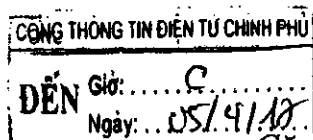
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **12** /2017/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **03** tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định khối lượng riêng và hệ số nở ròi của đá (đá vôi, đá Dolomit, đá sét) nguyên khối; tỷ lệ quy đổi từ gạch đất nung thành phẩm sang đất sét nguyên khai trên địa bàn tỉnh Hà Nam



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế Tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ về Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về khối lượng riêng và hệ số nở ròi của đá nguyên khối (đá vôi, đá Dolomit, đá sét), tỷ lệ quy đổi từ gạch đất nung thành phẩm sang đất nguyên khai và hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất tơi trên địa bàn tỉnh Hà Nam, như sau:

1. Khối lượng riêng của đá nguyên khối:

Stt	Tên vật liệu	Khối lượng riêng
1	Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	2.740 kg/m ³
2	Đá Dolomit (MgO ≥ 15%)	2.810 kg/m ³

2. Hệ số nở ròi của đá nguyên khối sang đá nguyên khai (đá sau nổ mìn)

Stt	Tên vật liệu	Hệ số nở ròi của đá	
		Đá nguyên khối	Đá nguyên khai
1	Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	1,0	1,50
2	Đá Dolomit ($MgO \geq 15\%$)	1,0	1,54

3. Khối lượng riêng, hệ số nở ròi của đá làm nguyên liệu sản xuất xi măng:

Đá làm nguyên liệu sản xuất xi măng (gồm đá vôi xi măng, đá sét phụ gia xi măng và sét xi măng). Việc xác định khối lượng riêng và hệ số nở ròi của đá nguyên khối thực hiện theo thứ tự ưu tiên từ mục (a) đến mục (b), cụ thể như sau:

a) Lấy theo Báo cáo kết quả thăm dò đã được phê duyệt trữ lượng (đối với khu vực đã được phê duyệt trữ lượng);

b) Đối với khu vực chưa có Báo cáo kết quả thăm dò được phê duyệt: Lấy theo Báo cáo kết quả thí nghiệm của Hội đồng xác định khối lượng riêng thực tế và hệ số nở ròi của đá của tỉnh đã thực hiện, gồm:

- Khối lượng riêng của đá nguyên khối:

Stt	Tên vật liệu	Khối lượng riêng	Ghi chú
1	Đá vôi làm vật liệu sản xuất xi măng	2.740 kg/m ³	Như đá làm vật liệu xây dựng thông thường
2	Đá sét làm nguyên liệu xi măng	2.690 kg/m ³	

- Hệ số nở ròi của đá nguyên khối sang đá nguyên khai (đá sau nổ mìn):

Stt	Tên vật liệu	Hệ số nở ròi	Ghi chú
1	Đá vôi làm vật liệu sản xuất xi măng	1,50	Như đá làm vật liệu xây dựng thông thường
2	Đá sét làm nguyên liệu xi măng	1,48	

4. Quy đổi gạch đất nung thành phẩm sang đất sét nguyên khai:

Stt	Tên vật liệu	Định mức tiêu hao sét nguyên khai	Ghi chú
1	1000 viên gạch đặc 220x105x60mm	2,206 m ³	Mức tối đa
2	1000 viên gạch rỗng 220x105x60mm	1,858 m ³	

5. Hệ số quy đổi thể tích từ đất nguyên thổ (đất tự nhiên) sang đất nguyên khai (đất toi):

Stt	Tên vật liệu	Hệ số quy đổi	
		Đất nguyên thổ	Đất nguyên khai
1	Đất sét	1,00	1,29
2	Đất hữu cơ	1,00	1,24
3	Đất pha cát	1,00	1,21
4	Cát	1,00	1,13

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh căn cứ khối lượng riêng thực tế, hệ số nở rời của đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường; đá vôi, đá sét làm nguyên liệu xi măng; đá Dolomit; hệ số quy đổi từ gạch đất sét nung thành phẩm sang đất sét nguyên khai và hệ số quy đổi thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi để thông báo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khoáng sản thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật của nhà nước hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2017 và thay thế Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về khối lượng riêng, hệ số nở rời của đá nguyên khối (đá vôi, đá Dolomit, đá sét) và tỷ lệ quy đổi từ gạch thành phẩm sang đất sét nguyên khai trên địa bàn tỉnh Hà Nam và các quy định trái với Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Các Bộ: XD, TNMT, TP; Cục KTVBQPPL (Bộ TP);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: CPVP(5), GTXD, TN, NN, TC, TH;
- CB Hà Nam; Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, GTXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Minh Hiến